

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc K

2. Bà Hoàng Thị H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lại Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim C - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXX ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1991.

HKTT: Thôn P, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Thôn T, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là thành phố Thanh Hóa) tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, khi không

kiềm chế được còn xảy ra bạo lực, xô xát. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên bảo, nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, anh đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn T, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để ở, còn cô H vẫn ở tại Thôn P, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là cháu Phạm Yến N – sinh ngày 01/10/2014 và Phạm Như Q – sinh ngày 15/4/2017, hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn, do công việc của anh ở xa, nên anh đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách Nệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.300.0000 đồng/cháu/tháng, cả hai cháu là 4.600.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu tHnh niên.

Về tài sản công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật nhưng chị không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại bản tự khai của cháu Phạm Yến N và Phạm Như Q: hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Các cô giáo chủ Nệm của hai cháu N và Q đều xác nhận quá trình học tập hai cháu đều bình thường, đi học chuyên cần và hòa đồng với các bạn, lễ phép với các thầy cô giáo, thực hiện đóng góp đầy đủ mọi khoản theo quy định.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 2013 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân như thế nào thì địa phương không nắm được. Nhưng địa phương được biết vợ chồng anh T và chị H đã sống ly thân, anh T không còn ở địa phương, còn chị H và hai con vẫn ở nhà. Về con chung: Anh T chị H có hai con chung là cháu Phạm Yến N – sinh ngày 01/10/2014 và Phạm Như Q – sinh ngày 15/4/2017, hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được. Về nghề nghiệp của anh T chị H, thì địa phương được biết anh chị làm nghề tự do, thu nhập cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại tHnh phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân tHnh phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng tại phiên tòa vắng mặt chị H nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn (nay là tHnh phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tin tưởng và có trách Nệm với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của anh T, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh T, chị H sinh sống thể hiện: vợ chồng anh T chị H mâu thuẫn đã kéo dài, mặc dù được gia đình khuyên bảo Nều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài (từ năm 2017 đến nay) không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị H đã không đến Tòa án để làm việc, điều đó cho thấy chị H không có ý thức níu kéo hạnh phúc gia đình mà mặc Nền để anh T đơn phương xin ly hôn. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh T, chị H đã đến mức trầm trọng, không thể Hn gắn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung tên là Phạm Yến N – sinh ngày 01/10/2014 và Phạm Như Q – sinh ngày 15/4/2017. Từ ngày anh T chị H sống ly thân đến nay, cả hai cháu N và Q đều đang ở với chị H. Mặc dù chị H làm nghề tự do, không xác định được thu nhập cụ thể, nhưng lâu nay chị nuôi dưỡng hai con, chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy các cháu về mọi mặt, các cháu được ăn học và phát triển bình thường. Mặt khác, cháu N và cháu Q đều là con gái và có nguyện vọng được ở với chị H, bản thân anh T đi làm xa, không có thời gian chăm sóc các con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.300.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu là 4.600.000 đồng/tháng. Do vậy, giao cháu N và cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.300.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu là 4.600.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu tHnh niên là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định số 74/2024 ND – CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu vùng.

[4] *Về tài sản, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định số 74/2024 ND – CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu vùng; điểm a khoản 5, 6 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Công nhận cháu Phạm Yến N – sinh ngày 01/10/2014 và Phạm Như Q – sinh ngày 15/4/2017 là con chung của anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H. Giao cháu N và cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.300.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu là 4.600.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu tHnh niên.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí: anh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002219 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi Hành án dân sự tHnh phố Thanh Hóa, anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND xã Đ, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Q

Lê Thị Oanh

Lê Văn Luận

Trương Thị Q

Nguyễn Văn Quý

Nguyễn Hồng Vân

Trương Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Huệ

Phạm Văn Ho

Nguyễn Thị Thương